

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **19/2019/HNGĐ-ST**
Ngày: 17-4-2019
V/v: “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Ngọc Cẩm Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Lê Thị Hoàng Diễm

2/ Bà Phạm Thị Em

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Ngọc Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre: Bà Đỗ Thị Thu Nga tham gia phiên tòa – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 4 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 81/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2019 về việc: “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐXX-ST ngày 26 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1976. Có mặt.
Nơi cư trú: Số 534/3 ấp P, xã A, huyện C, tỉnh B.

2. Bị đơn: Anh Huỳnh Văn H, sinh năm 1966. Có mặt.
Nơi cư trú: Số 417/8, xã T, huyện C, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/11/2018 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ D trình bày:

Chị và anh Huỳnh Văn H sống chung với nhau vào năm 2006, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn ở Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh B vào ngày 06/11/2006. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc nhưng khoảng 02 tháng sau đến đầu năm 2007 thì vợ chồng chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do giữa chị với mẹ của anh H mâu thuẫn nhau về quan điểm

sống, mẹ anh H yêu cầu chị nghỉ dạy học để về nhà chồng làm dâu nhưng chị không đồng ý nên chị và anh H đã sống riêng tại địa chỉ số ấp P, xã A, huyện C, tỉnh B. Sau đó, đến năm 2008 thì vợ chồng chị tiếp tục mâu thuẫn nguyên nhân là do anh H nghe lời mẹ anh H nên anh chị thường xuyên cự cãi từ đó cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc và anh H đã bỏ về nhà mẹ ruột ở cho đến nay. Hiện tại, chị và anh H không còn quan tâm nhau nữa và hai bên đã sống ly thân từ tháng 6/2010 cho đến nay.

Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh H không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Huỳnh Văn H. Chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: Quá trình sống chung anh chị có 01 con chung tên Huỳnh Thuận Á, sinh ngày 30/12/2007. Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị, chị yêu cầu được nuôi cháu Á, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 20/02/2019 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Huỳnh Văn H trình bày:

Anh thừa nhận về thời gian đăng ký kết hôn và điều kiện kết hôn nhưng chị D trình bày là đúng sự thật. Sau khi cưới anh chị chung sống hạnh phúc tại địa chỉ ấp P, xã A, huyện C, tỉnh B. Nhưng đến năm 2008 thì vợ chồng anh phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, chị D bắt anh nghỉ làm để phụ chị D làm nhang và giữ con từ đó cuộc sống vợ chồng anh thường xuyên cãi nhau. Đến năm 2010 thì vợ anh không cho anh sống chung nữa nên anh về nhà mẹ ruột anh sống. Sau khi về sống bên nhà mẹ ruột anh thì anh vẫn tới lui thăm con nhưng có lúc chị D lại ngăn cản không cho anh vào nhà. Hiện tại, anh và chị D đã ly thân từ tháng 6/2010 cho đến nay. Anh xác định anh vẫn tình cảm với chị D muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị D để cùng nhau chăm lo cho con nên đối với yêu cầu ly hôn của chị D anh không đồng ý. Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D anh không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: Anh cũng thống nhất quá trình sống chung giữa anh và chị D có 01 con chung tên Huỳnh Thuận Á, sinh ngày 30/12/2007. Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D thì con chung anh đồng ý theo nguyện vọng của cháu Á, cháu Á muốn ở với ai thì anh cũng đồng ý, anh không cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Anh khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị D vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh H, không yêu cầu anh H cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn. Con chung chị

yêu cầu được nuôi, không yêu cầu anh Huỳnh cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có.

Tại phiên tòa, anh H vẫn giữ nguyên ý kiến không đồng ý ly hôn với chị D. Nếu Tòa chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D thì anh cũng không yêu cầu chị D cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn. Con chung anh thống nhất theo nguyện vọng của con. Về tài sản chung và nợ chung không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ D đối với bị đơn anh Huỳnh Văn H. Cho chị D và anh H được ly hôn. Về con chung: Giao con chung tên Huỳnh Thuận Á, sinh ngày 30/12/2007 cho chị D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận chị D không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Chị Nguyễn Thị Mỹ D có đơn khởi kiện xin ly hôn đối với anh Huỳnh Văn H cư trú tại địa chỉ số 417/8, xã T, huyện C, tỉnh B. Xét thấy, đây là tranh chấp về ly hôn theo quy định khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Tòa án đã tiến hành hòa giải về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung nhưng chị D và anh H vẫn không thỏa thuận được. Nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị D và anh H đều thống nhất thừa nhận hai bên chung sống với nhau vào năm 2006, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn ở Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh B vào ngày 06/11/2006 nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới do mâu thuẫn với mẹ chồng nên chị D và anh H chung sống với nhau tại địa chỉ P, xã A, huyện C, tỉnh B. Quá trình sống chung giữa chị D và anh H đều thống nhất thừa nhận rằng thời gian đầu vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2008 thì anh chị bắt đầu mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, không hợp nhau, thường xuyên cự cãi,

sau đó đến năm 2010 anh H về nhà mẹ ruột sống và anh chị đã ly thân từ tháng 6/2010 cho đến nay. Xét thấy, mâu thuẫn trong quá trình hôn nhân giữa chị D và anh H là có thật mặc dù từ khi anh chị ly thân đến nay cũng đủ thời gian để anh chị hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh chị vẫn không hàn gắn được. Tại phiên tòa, chị D xác định không còn tình cảm với anh H nên chị vẫn kiên quyết ly hôn, tuy nhiên anh H không đồng ý vì anh còn thương vợ, thương con nhưng anh H lại không đưa ra được giải pháp nào để vợ chồng đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mặt khác, tại biên bản xác minh ngày 05/3/2019 chị Nguyễn Thị B là Trưởng ấp 8, xã T, huyện C cũng xác định hôn nhân giữa chị D và anh H thực tế là có mâu thuẫn, nguyên nhân là do thường xuyên cự cãi và từ khi anh H về nhà mẹ ruột sống cho đến nay cũng không thấy chị D tới lui thăm gia đình anh H.

Từ những điều đó cho thấy, mâu thuẫn của chị D và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị D là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Chị D và anh H đều không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2] Về con chung: Chị D và anh H đều xác nhận quá trình sống chung có 01 con chung tên Huỳnh Thuận Á, sinh ngày 30/12/2007. Sau khi ly hôn chị D yêu cầu được nuôi cháu Á, không yêu cầu anh H cấp dưỡng, anh H đồng ý theo nguyện vọng của cháu Á. Xét thấy, từ khi chị D và anh H ly thân đến nay thì cháu Á là do chị D trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc, điều kiện phát triển và học tập của cháu Á là tốt. Tại phiên tòa, anh H cũng không có ý kiến gì về yêu cầu nuôi con của chị D, anh H thống nhất theo nguyện vọng của cháu Á, cháu Á muốn sống với ai thì sống. Tại biên bản lấy ý kiến ngày 20/02/2019 thì cháu Á xác định nếu chị D và anh H ly hôn thì cháu có nguyện vọng sống chung với chị D. Mặt khác, chị D hiện là giáo viên có công việc và thu nhập ổn định. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao cháu Á cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật và đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Á.

Chị D không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về tài sản chung: Chị D và anh H đều khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về nợ chung: Chị D và anh H đều khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của chị D được chấp nhận nên chị D phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 144, 147, 262, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ D đối với bị đơn anh Huỳnh Văn H. Cho chị Nguyễn Thị Mỹ D được ly hôn với anh Huỳnh Văn H.

Ghi nhận chị D và anh H không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

[2] Về con chung: Giao con chung tên Huỳnh Thuận Á, sinh ngày 30/12/2007 cho chị Nguyễn Thị Mỹ D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận chị D không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Anh Huỳnh Văn H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị D và anh H đều khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Mỹ D phải chịu là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001110 ngày 21 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Chị D đã nộp đủ án phí.

[5] Về quyền kháng cáo: Chị D, anh H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Tân Thạch, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Võ Ngọc Cẩm Sơn

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

